

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/HS-ST
Ngày 24-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Phụng.

Ông Triệu Văn Viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn C, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 16 tháng 9 năm 1991 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1961 và bà Lê Thị L, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 10-7-2021 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh Ngô Văn B, sinh năm 1982; địa chỉ: Số E, bãi xe B, thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Phạm Xuân V, sinh năm 1970; địa chỉ: T 4, xã H, huyện N, tỉnh Bình Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03-4-2018 do thiếu tiền để đền xe hàng hoa quả bị hỏng ở bên Trung Quốc, Lê Văn C đã bán cho anh Ngô Văn B, sinh năm 1982, trú tại Số E, bãi xe B thuộc thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn tài sản gồm 01 (một) chiếc vỏ thùng xe container số hiệu 40ZCSU5170606 và 01 (một) máy lạnh nhãn hiệu SBIII Spectrum đời 2005 với giá 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng (có hợp đồng mua bán). Sau đó Lê Văn C tiếp tục thuê lại số tài sản trên của anh Ngô Văn B với giá thuê là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/01 tháng trong vòng 15 tháng (có hợp đồng thuê tài sản) đồng thời mỗi tháng Lê Văn C sẽ trả cho anh Ngô Văn B số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng là tiền Lê Văn C trả góp để mua lại số tài sản trên với anh Ngô Văn B. Cả hai thỏa thuận, nếu trong vòng 15 tháng, Lê Văn C trả đủ cho anh Ngô Văn B số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng thì anh Ngô Văn B sẽ trả lại số tài sản trên cho Lê Văn C. Sau đó hàng tháng nếu có tiền thì Lê Văn C chuyển tiền trả cho anh Ngô Văn B bằng cách chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt. Tuy nhiên, Lê Văn C mới chỉ trả được cho anh Ngô Văn B số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng trong đó 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng là tiền thuê tài sản, 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng là tiền trả góp mua lại tài sản và còn nợ số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Đến ngày 05-10-2019, Lê Văn C không thông báo và hỏi ý kiến Ngô Văn B mà đã bán số tài sản gồm: 01 (một) xe ô tô đầu kéo BKS: 98C - 155.96, 01 Rơ moóc BKS:011.13, 01 (một) chiếc vỏ thùng xe container số hiệu 40ZCSU5170606 và 01 (một) máy lạnh nhãn hiệu SBIII Spectrum đời 2005 cho anh Phạm Xuân V, sinh năm 1970, nơi cư trú thôn T 4, xã H, huyện N, tỉnh Bình Định với giá 1.225.000.000 (một tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng, số tiền trên Lê Văn C đã sử dụng khoảng 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng để trả nợ cho ngân hàng VPBank chi nhánh Bắc Giang và 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng để trả nợ cho anh H, sinh năm 1983, trú tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang (không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể). Số tiền còn lại Lê Văn C đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết mà không trả tiền cho Ngô Văn B.

Ngày 22-12-2020, sau khi biết được việc Lê Văn C đã bán tài sản là chiếc vỏ thùng container và 01 máy lạnh kèm vỏ cho Phạm Xuân V mà không trả nợ cho mình nên Ngô Văn B đã gửi đơn trình báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Ngày 23-12-2020 cơ quan cảnh sát điều tra đã ra yêu cầu định giá tài sản đối với 01 (một) chiếc vỏ thùng xe container số hiệu 40ZCSU5170606 và 01 (một) máy lạnh nhãn hiệu SBIII Spectrum đời 2005. Tại bản kết luận định giá tài sản số 321/KL-HDDGTS ngày 30-12-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Văn Lãng xác định giá trị của số tài sản trên là 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng.

Ngày 30-12-2020, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng đã thu giữ được tài sản trong vụ án là 01 (một) chiếc vỏ thùng xe container số hiệu 40ZCSU5170606. Đối với tài sản có kích thước và khối lượng lớn, không có kho

vật chứng để bảo quản và theo yêu cầu của bị hại được quản lý đối với tài sản, cơ quan điều tra đã giao cho anh Ngô Văn B trông coi, quản lý.

Đối với tài sản là 01 (một) máy lạnh nhãn hiệu SBIII Spectrum đời 2005, trong quá trình sử dụng đã bị hỏng, ông Phạm Xuân V đã bán cho cửa hàng phế liệu nhưng không nhớ địa chỉ. Do đó, cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngày 20-4-2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Lê Văn C để điều tra về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 2, điều 175 của Bộ luật Hình sự. Ngày 10-7-2021, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn bắt được bị can tại huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tại bản Cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 29-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và không khai báo bổ sung. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Bị hại anh Ngô Văn B trình bày: Tại phiên tòa anh yêu cầu lấy lại vỏ thùng xe container nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng nữa. Yêu cầu bị cáo Lê Văn C trả lại số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng là tiền thuê tài sản và chi phí thuê bến bãi với số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, tiền vận chuyển vỏ thùng xe container số tiền là 3.000.000 (ba triệu) đồng; tổng cộng số tiền phải trả cho anh là 69.000.000 (sáu mươi chín triệu) đồng. Anh cũng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Xuân V trình bày: Ông yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, ngoài ra ông không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho anh Ngô Văn B 01 (một) chiếc vỏ thùng xe container số hiệu 40ZCSU5170606 (đã qua sử dụng).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 481, 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như sau: Bị cáo Lê Văn C phải trả cho anh Ngô Văn B số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng là tiền thuê tài sản và chi phí thuê bến bãi với số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, tiền vận chuyển vỏ thùng xe container số tiền là 3.000.000 (ba triệu) đồng; tổng cộng số tiền phải trả cho anh Ngô Văn B là 69.000.000 (sáu mươi chín triệu) đồng. Trả lại cho ông Phạm Xuân V số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với Kết luận định giá tài sản số 321/KL-HĐĐGTS ngày 30-12-2020 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 03-4-2018, Lê Văn C bán và thuê lại tài sản là 01 (một) chiếc vỏ thùng xe container số hiệu 40ZCSU5170606 và 01 (một) máy lạnh nhãn hiệu SBIII Spectrum đời 2005 với anh Ngô Văn B; giữa bị cáo và anh Ngô Văn B thỏa thuận trong vòng 15 tháng trả cả gốc là 10.000.000 (mười triệu) đồng/tháng lần tiền thuê là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng thì được lấy lại tài sản; Lê Văn C đã trả cho anh Ngô Văn B được số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng gồm 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng tiền trả góp mua lại một vỏ thùng container, một máy lạnh và 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng là tiền thuê tài sản trên. Tại thời điểm định giá 01 (một) chiếc vỏ thùng xe container số hiệu 40ZCSU5170606 và 01 (một) máy lạnh nhãn hiệu SBIII Spectrum đời 2005 là 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng. Tuy nhiên, ngày 05-10-2019, khi chưa trả hết nợ, Lê Văn C cố ý bán tài sản trên cho ông Phạm Xuân V khi chưa thông báo và được sự đồng ý của anh Ngô Văn B; do đó có đủ cơ sở kết luận rằng bị cáo Lê Văn C đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là một phần giá trị của tài sản trên. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại

điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình gây ra, nhằm để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi bị cáo đã thực hiện; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xác định bị cáo là người có nhân thân tốt.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 (mười triệu) đồng đến 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Tại biên bản xác minh ngày 09-7-2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang xác nhận và tại phiên tòa bị cáo khai không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, không có khả năng để bảo đảm thi hành án vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với ông Phạm Xuân V khi mua tài sản không biết vỏ xe container và máy lạnh kèm vỏ là tài sản do phạm tội mà có. Do đó cơ quan điều tra không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trên.

[10] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Ngô Văn B 01 (một) chiếc vỏ thùng xe container số hiệu 40ZCSU5170606 (đã qua sử dụng) vì đây là tài sản của anh Ngô Văn B theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã tự nguyện thỏa thuận với nhau bị cáo Lê Văn C phải trả cho anh Ngô Văn B số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng là tiền thuê tài sản và chi phí thuê bến bãi 6.000.000 (sáu triệu) đồng, tiền vận chuyển vỏ thùng xe container 3.000.000 (ba triệu) đồng; tổng cộng số tiền bị cáo

Lê Văn C phải trả cho anh Ngô Văn B là 69.000.000 (sáu mươi chín triệu) đồng. Trả lại cho ông Phạm Xuân V số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Sự thỏa thuận này không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ các điều 280, 357, 468, 481, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Văn C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 10-7-2021.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên toà. Bị cáo Lê Văn C phải trả cho anh Ngô Văn B số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng là tiền thuê tài sản, chi phí thuê bến bãi 6.000.000 (sáu triệu) đồng, tiền vận chuyển vỏ thùng xe container 3.000.000 (ba triệu) đồng; tổng cộng số tiền bị cáo Lê Văn C phải trả cho anh Ngô Văn B là 69.000.000 (sáu mươi chín triệu) đồng. Trả lại cho ông Phạm Xuân V số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Đối với khoản tiền phải trả, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Ngô Văn B 01 (một) chiếc vỏ thùng xe container số hiệu 40ZCSU5170606 (đã qua sử dụng).

(Hiện vật chứng giao đang cho anh Ngô Văn B quản lý tại bãi xe T, khu 1, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02-11-2021).

5. Về án phí: Bị cáo Lê Văn C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 5.950.000 (năm triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh